TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01- 2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Ông Trần Trọng Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 276/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T Q– Sinh năm 1985
Nơi cư trú: Tổ 02, ấp H L A, xã T H, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh N V T – Sinh năm 1979
Nơi cư trú: Tổ 02, ấp H L A, xã T H, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023, bản tự khai ngày 23/11/2023, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N T Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N T Q và anh N V T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N T Q yêu cầu được ly hôn với anh N V T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên N T T, sinh ngày 04/11/2004, N T Y, sinh ngày 30/04/2009; N T B, sinh ngày 30/5/2014. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị Q không mang thai. Khi ly hôn chị Q yêu cầu nuôi 02 con chung tên N T Y; N T B, không yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Đối với con chung N T T đã trưởng thành nên chị Q không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Quá trình giải quyết chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản là thửa đất diện tích 4445,9m^2 số 12, tờ bản đồ 46 tọa lạc ấp Hưng Yên, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Đất được UBND huyện Hớn Quản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00111 ngày 30/8/2010 đứng tên anh T, Chị Q. Tuy nhiên tại phiên hòa giải chị Q rút yêu cầu chia tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 23/11/202, quá trình hòa giải bị đơn anh N V T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị N T Q về thời gian đăng ký kết hôn, nơi kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do về không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị N T Q làm đơn ly hôn thì Anh N V T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của chị N T Q về con chung. Khi ly hôn anh T đồng ý cho chị Q nuôi 02 con chung tên N T Y, sinh ngày 30/04/2009; N T B, sinh ngày 30/5/2014, anh T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Đối với con chung N T T đã trưởng thành nên anh T không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được vợ chồng chị N T Q, anh N V T có mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ và anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N T Q đối với anh N V T. Về con chung giao 02 con chung tên N T Y, sinh ngày 30/04/2009; N T B, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Q nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung N T T đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản chung đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản, nợ chung không có nên không xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với anh N V T có nơi cư trú tại xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phong, chị Loan là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị N T Q, anh N V T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Chị Q cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được và và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã hòa giải đoàn tụ cũng như cho thời gian mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q không đồng ý. Chị Q cũng thừa nhận: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của chị Q là đúng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra anh T cũng đồng ý ly hôn vì không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N T Q chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N V T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên N T T, sinh ngày 04/11/2004, N T Y, sinh ngày 30/04/2009; N T B, sinh ngày 30/5/2014 hiện tại đang ở cùng với chị Q. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung đang sống chung với chị Q và anh T cũng đồng ý cho chị Q nuôi con chung N T Y, sinh ngày 30/04/2009; N T B, sinh ngày 30/5/2014, ngoài ra nguyện vọng của cháu Yên, cháu Bình là sống với chị Q. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung N T Y, sinh ngày 30/04/2009; N T B, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng con chung và quan điểm của anh T. Đối với con chung tên N T T, sinh ngày 04/11/2004 đã trưởng thành nên không xem xét

- Về cấp dưỡng: Chị Q chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản là thửa đất diện tích 4445,9m^2 số 12, tờ bản đồ 46 tọa lạc ấp Hưng Yên, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Đất được UBND huyện Hớn Quản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00111 ngày 30/8/2010 đứng tên anh T, chị Q. Tuy nhiên chị Q rút yêu cầu chia tài sản và anh T cũng không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị N T Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N T Q được ly hôn với anh N V T *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 15/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước).*

2. Về con chung: Giao con chung tên N T Y, sinh ngày 30/04/2009; N T B, sinh ngày 30/5/2014 cho chị N T Q trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên N T T, sinh ngày 04/11/2004 đã trưởng thành nên không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất diện tích 4445,9m^2 số 12, tờ bản đồ 46 tọa lạc ấp Hưng Yên, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Đất được UBND huyện Hớn Quản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00111 ngày 30/8/2010 đứng tên anh T, chị Q.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

6. Về án phí: Chị N T Q chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả lại cho chị N T Q 3.750.000đ *(Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014810 ngày 08/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Vượng **Trần Trọng Vĩnh** **Đỗ Đình Thuyên**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND TT Tân Khai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Quang Minh **Phan Thị Vui** **Nguyễn Mạnh Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Cơ quan ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hồng